

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: DUỖC LÝ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
79	2223360480	Nguyễn Kim Anh		03/02/2000	02DD15C2	9.0	7.5	8.0		5.8		6.7	Đạt
80	2223240201	Hà Thị Mỹ Chinh		03/01/2004	02DD15A2	7.5	7.0	7.2		4.8		5.7	Đạt
81	2223240257	Nguyễn Lê Kỳ Duyên		20/05/1994	02DD15A2	7.0	7.0	7.0		4.5		5.5	Đạt
82	2223240189	Ngô Thị Hương Giang		07/10/2003	02DD15A2	6.0	7.5	7.0		4.0		5.2	Đạt
83	2223360224	Nguyễn Thị Hà		19/01/2001	02DD15C2	7.0	7.0	7.0		3.8		5.1	Đạt
84	2223360300	Lương Kim Bảo Hân		15/02/2006	02DD15C2	7.0	7.0	7.0		4.8		5.7	Đạt
85	2223240185	Nguyễn Thị Mỹ Hằng		26/08/2004	02DD15A2	7.5	7.5	7.5		6.0		6.6	Đạt
86	2223240121	Nguyễn Trung Hưng		01/11/2000	02DD15A2	7.5	7.5	7.5		4.3		5.6	Đạt
87	2223240067	Võ Tuệ Nhi		29/01/2001	02DD15A2	8.0	6.0	6.7		6.5		6.6	Đạt
88	2223360144	Phùng Yến Nhi		21/11/2007	02DD15C2	6.0	5.5	5.7		5.2		5.4	Đạt
89	2223240161	Bích Hường Niê		18/03/1996	02DD15A2	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
90	2223360082	Trần Ngọc Hưng Phát		30/04/2005	02DD15C2	8.5	7.0	7.5		3.3		5.0	Đạt
91	2223240222	Lê Thị Kim Phụng		15/08/2004	02DD15A2	7.0	8.0	7.7		3.8		5.3	Đạt
92	2223240117	Lê Đình Phương		23/04/2001	02DD15A2	8.0	7.5	7.7		7.2		7.4	Đạt
93	2223240071	Trịnh Thị Sương		10/06/1994	02DD15A2	6.0	7.5	7.0		5.7		6.2	Đạt

MÔN: DƯỢC LÝ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
94	2223240291	Trịnh Giang Thanh	23/08/2001	02DD15A2	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
95	2223360134	Phạm Thị Hương Thảo	20/07/2003	02DD15C2	8.0	7.0	7.3		3.5		5.0	Đạt
96	2223180093	Nguyễn Phương Thảo	20/11/1998	02DD15A2	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
97	2223360514	Lê Minh Thiện	18/10/2002	02DD15C2	9.0	7.0	7.7		8.3		8.0	Đạt
98	2223240181	Trương Huyền Nhã Trân	14/05/2004	02DD15A2	8.0	7.5	7.7		5.8		6.5	Đạt
99	2223240155	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	22/01/1998	02DD15A2	9.0	7.0	7.7		6.5		7.0	Đạt
100	2223360012	Lê Thùy Uyên	22/10/2003	02DD15C2	7.0	7.5	7.3		4.5		5.6	Đạt
101	2223360005	Trịnh Thị Thúy Vân	24/6/1998	02DD15C2	7.0	7.0	7.0		5.7		6.2	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: NHẬP MÔN ĐIỀU DƯỠNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
33	2223360314	Hồ Hoài An	17/11/2007	02DD15C1	5.0	5.0	5.0		3.2		3.9	Thi lại
34	2223360417	Đoàn Xuân Phương An	09/11/2007	02DD15C1	8.0	5.0	6.0		5.8		5.9	Đạt
35	2223360523	Phạm Thị Thiên An	03/06/2007	02DD15C1	8.0	4.5	5.7		3.8		4.5	Đạt
36	2223360053	Trần Minh Trâm Anh	16/02/2005	02DD15C1	8.0	5.5	6.3		5.2		5.7	Đạt
37	2223360284	Hà Bảo Anh	03/09/2007	02DD15C1	6.0	5.5	5.7		3.6		4.4	Đạt
38	2223360466	Vũ Trúc Anh	09/04/2007	02DD15C1	8.0	4.5	5.7		4.0		4.7	Đạt
39	2223360187	Nguyễn Hoàng Ngọc Ánh	16/03/2007	02DD15C1	5.0	4.0	4.3	TBKT			1.7	Học lại
40	2223360273	Nguyễn En - Ny	24/01/2007	02DD15C1	8.0	6.5	7.0		4.0		5.2	Đạt
41	2223360291	Trương Gia Hân	07/06/2007	02DD15C1	6.0	4.0	4.7	TBKT			1.9	Học lại
42	2223360400	Nguyễn Thị Khả Hân	14/06/2007	02DD15C1	8.0	6.0	6.7		4.2		5.2	Đạt
43	2223360122	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	05/09/2007	02DD15C1	8.0	5.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
44	2223360492	Tạ Thanh Hiền	12/02/2007	02DD15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
45	2223360031	Ngô Quang Hiệp	19/04/2002	02DD15C1	8.0	6.0	6.7		5.2		5.8	Đạt
46	2223360255	Bùi Minh Khang	06/05/2007	02DD15C1	8.0	4.5	5.7		4.6		5.0	Đạt
47	2223360100	Dương Minh Khôi	02/08/2006	02DD15C1	8.0	5.0	6.0		5.2		5.5	Đạt
48	2223360200	Vũ Diệp Lam	14/07/2007	02DD15C1	8.0	5.0	6.0		3.4		4.4	Đạt

MÔN: NHẬP MÔN ĐIỀU DƯỠNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
49	2223360125	Tạ Nguyễn Khánh	Linh	26/06/2007	02DD15C1	8.5	5.5	6.5		4.2		5.1	Đạt
50	2223360295	Phan Thị Thùy	Linh	30/03/2007	02DD15C1	0.0	5.0	3.3	TBKT			1.3	Học lại
51	2223360020	Nguyễn Xuân	Lợi	18/08/2001	02DD15C1	8.5	5.0	6.2		3.8		4.7	Đạt
52	2223360405	Nguyễn Hoàng Hải	My	17/09/2007	02DD15C1	8.0	6.0	6.7		2.8		4.3	Đạt
53	2223360362	Trần Vương Song	Ngân	05/12/2007	02DD15C1	8.5	5.0	6.2		4.0		4.9	Đạt
54	2223360234	Võ Âu Bảo	Ngọc	13/09/2007	02DD15C1	8.0	6.5	7.0		3.0		4.6	Đạt
55	2223360401	Hà Bảo	Ngọc	03/12/2007	02DD15C1	8.0	5.0	6.0		4.8		5.3	Đạt
56	2223360058	Trần Thị Thanh	Nguyên	24/01/2004	02DD15C1	8.5	6.5	7.2		3.8		5.1	Đạt
57	2223360377	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	29/10/2007	02DD15C1	8.5	5.0	6.2		4.8		5.3	Đạt
58	2223360429	Dương Nguyệt	Nhi	24/06/2007	02DD15C1	8.0	5.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
59	2223360183	Nguyễn Ngọc Yến	Như	22/05/2007	02DD15C1	8.0	6.5	7.0		3.0		4.6	Đạt
60	2223360157	Trương Nguyễn Kiều	Oanh	29/04/2007	02DD15C1	7.0	4.0	5.0		3.0		3.8	Thi lại
61	2223360297	Trịnh Đoàn Tuấn	Phong	19/08/2007	02DD15C1	7.0	5.0	5.7		2.6		3.8	Thi lại
62	2223360129	Lê Nguyễn Ngọc	Phương	14/06/2007	02DD15C1	7.0	4.5	5.3		2.6		3.7	Thi lại
63	2223360350	Đặng Thị Trúc	Phương	15/10/2007	02DD15C1	0.0	5.0	3.3	TBKT			1.3	Học lại
64	2223360011	Trần Ngọc Thanh	Thảo	23/04/2005	02DD15C1	8.0	4.5	5.7		2.2		3.6	Thi lại
65	2223360536	Vũ Minh Gia	Thy	03/11/2007	02DD15C1	8.0	6.5	7.0		4.8		5.7	Đạt
66	2223360473	Lê Thị Thủy	Tiên	31/10/2007	02DD15C1	7.0	6.0	6.3		2.6		4.1	Đạt

MÔN: NHẬP MÔN ĐIỀU DƯỠNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
67	2223360482	Lê Thủy Tiên	09/04/2007	02DD15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
68	2223360499	Trần Ngọc Trân	13/01/2007	02DD15C1	7.0	5.0	5.7		4.4		4.9	Đạt
69	2223240119	Mai Thanh Trang	15/06/1997	02DD15A1	8.0	6.5	7.0		4.8		5.7	Đạt
70	2223360123	Nguyễn Thị Cẩm Tú	14/02/2007	02DD15C1	5.0	6.0	5.7		2.6		3.8	Thi lại
71	2223360140	Lê Nguyễn Tường Vy	03/10/2007	02DD15C1	8.0	4.5	5.7		3.8		4.5	Đạt
72	2223360296	Nguyễn Võ Đan Vy	22/04/2007	02DD15C1	6.0	4.5	5.0		3.8		4.3	Đạt
73	2223360354	Trần Thị Kiều Vy	08/11/2007	02DD15C1	8.0	6.0	6.7		5.2		5.8	Đạt
74	2223360356	Nguyễn Hoàng Tường Vy	27/10/2007	02DD15C1	8.0	6.5	7.0		4.2		5.3	Đạt
75	2223360413	Lê Thanh Vy	24/10/2007	02DD15C1	8.0	5.0	6.0		3.4		4.4	Đạt
76	2223360489	Phạm Thảo Vy	27/04/2007	02DD15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
77	1223360228	Mai Như Ý	10/08/2007	02DD15C1	8.0	6.0	6.7		4.0		5.1	Đạt
78	2223360160	Nguyễn Hồng Phi Yến	18/07/2007	02DD15C1	8.0	6.5	7.0		4.0		5.2	Đạt